TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 08 - 01 - 2024
V/v "*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Lê Hồng Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Toản - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2023/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Đình T, sinh năm: 1940; Nơi đăng ký HKTT: Tổ D, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà L:* Ông Lê Anh M, sinh năm 1969; Nơi đăng ký HKTT: Số A L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Số H H, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Kim L1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số G đường P, tổ B, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3.2. Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3.3. Ông Dương Đình N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, ông Đ và ông N:* Ông Lê Anh M, sinh năm 1969; Nơi đăng ký HKTT: Số A L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Số H H, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.4. Bà Dương Hồng T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3.5. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1951; Nơi đăng ký HKTT: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: Tổ B, Khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3.6. Bà Hồ Thị Trung H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3.7. Bà Lê Thị Thu T3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên - Huế (vắng mặt).

3.8. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Lê T4 – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Đình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1980, ông T và bà Hồ Thị L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung với bà L, ông biết bà L có chồng tên T5 nhưng có đăng ký kết hôn và đã ly hôn hay không thì ông không biết. Ông bà chung sống đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị L.

- Về tài sản chung: Ông T yêu cầu được chia ½ thửa đất diện tích 8.912 m^2 tọa lạc ấp B (nay là ấp B), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất (đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDĐ/137/QĐUB ngày 04/4/2001 mang tên hộ ông Dương Đình T). Đất hiện nay có vị trí, số liệu và hình thể như mảnh trích đo địa chính số 107 ngày 22/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Nguồn gốc phần đất trên là do hai vợ chồng nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Điểu K vào năm 1980. Các tài sản trên đất hiện nay gồm: Cây cao su + cây điều + cây xà cừ là do ông tạo lập vào năm 2013; Hàng rào do ông tạo lập từ khoảng thời gian năm 2013 cho đến năm 2017; Nhà ở + các công trình phụ + bồn nước + chân để bồn nước và giếng khoan là do bà L tạo lập năm 2017.

Nay ông yêu cầu chia các tài sản trên theo quy định pháp luật.

Trong các lời khai cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T sống chung năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Giữa bà và ông T không có mâu thuẫn gì, ông T hay bỏ nhà đi một thời gian rồi lại về, bà biết trước khi ông T về sống chung với bà thì đã kết hôn với người phụ nữ khác, người phụ nữ này vẫn đang sống tại tỉnh Đồng Nai. Nay, ông T yêu cầu ly hôn thì bà không có ý kiến gì vì bà và ông T thực tế không có đăng ký kết hôn và người phụ nữ ông T kết hôn trước hiện nay vẫn còn đang sống nên ông T muốn ly hôn thì ly hôn với người phụ nữ kia.

Về tài sản chung: Bà và ông T có duy nhất 01 tài sản chung diện tích 8.792 m^2 đất tại B, L, L, Bình Phước. Đất này do các thành viên trong gia đình tạo lập và đóng góp công sức, gồm: Trần Kim L1, Trần Quốc Đ, Dương Đình N, Dương Hồng T1, ông T và bà. Bà đồng ý để lại ½ diện tích đất cho ông T và các con ông T là Dương Đình N, Dương Hồng T1 đồng sở hữu, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn ½ diện tích đất để lại cho bà và các con Trần Kim L1, Trần Quốc Đ đồng sở hữu, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn yêu cầu phản tố đề ngày 03/6/2020, bà Hồ Thị L trình bày: Năm 1971, bà kết hôn với ông Trần Đình T6 và có 02 người con chung với ông T6 là Trần Kim L1 và Trần Quốc Đ. Đến năm 1979, bà và ông T6 sống ly thân và năm 2018 ông T6 chết. Năm 1981, bà sống chung với ông Dương Đình T và có 02 người con chung với ông T là Dương Đình N và Dương Hồng T1.

Đối với tài sản là thửa đất tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Đây là thửa đất bà mua vào năm 1980, trong quá trình sử dụng, bà và ông Đ khai hoang thêm rồi hiến một phần đất cho Nhà nước nên hiện trạng còn lại 8.792 m^2. Năm 2001, Nhà nước cho làm giấy chứng nhận nhưng vì bệnh nặng nên bà nhờ ông T làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T viện lý do phải điều chỉnh lại diện tích, không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Đến ngày 09/5/2020, bà L1 được Tòa án cho chụp hồ sơ vụ án, bà mới biết ông T đã làm thủ tục đứng tên ông T là chủ hộ sử dụng đất mà không có sự đồng ý của bà.

Như vậy, giữa bà và ông T không có quan hệ hôn nhân, tài sản nhà đất tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là do gia đình bà gây dựng. Do đó, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T không có tư cách là người có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Nay bà yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị L và ông Dương Đình T.

- Yêu cầu công nhận toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 8.792 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc ấp B (nay là ấp B), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng của bà L.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 09/QSDĐ/137/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện L cấp 04/4/2001.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L1, ông Trần Quốc Đ và ông Dương Đình N ông Lê Anh M trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà L như tại đơn yêu cầu phản tố và bổ sung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn ông T và bị đơn bà L không có quan hệ vợ chồng. Điều này thể hiện ở các chứng cứ biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2020 của nguyên đơn và bản tự khai ngày 09/12/2020 của bà Trần Thị T2 đều xác nhận nguyên đơn và bà T2 có quan hệ vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 1972 và chưa ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2021, nguyên đơn thừa nhận năm 1986 nguyên đơn có thêm một con chung với bà T2 tên Dương Thu H1. Nguyên đơn cũng thừa nhận vẫn qua lại với bà T2. Tại Bản án phúc thẩm số 17/2021/HNGĐ-PT ngày 25/11/2021 đã có hiệu lực pháp luật cũng đã nhận định giữa nguyên đơn và bị đơn không có quan hệ vợ chồng, nên theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

+ Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng: Lời khai của bị đơn và ông Điểu K, Điểu L2 đều xác nhận tháng 10/1980 bị đơn mua 05 sào đất của ông Điểu K với giá 03 chỉ vàng và xác nhận nguyên đơn không tham gia giao dịch. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2021, nguyên đơn đã thừa nhận không biết giá mua bán đất. Đồng thời, nguyên đơn cũng thừa nhận vàng để mua đất là của bị đơn, đây là chứng cứ chứng minh nguyên đơn không có tư cách sở hữu chung với bị đơn 5 sào đất mua của ông Điểu K.

+ Nguồn gốc đất khai phá: Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2021, ông Điểu K xác nhận ngoài 05 sào đất bị đơn mua của ông vào năm 1980 thì bị đơn cùng em và con đã khai phá thêm đất. Về phía nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2021, nguyên đơn xác định không có tham gia khai phá thêm bất cứ diện tích đất nào, do đó nguyên đơn không có tư cách sở hữu chung với bị đơn phần diện tích đất mà bị đơn đã khai phá.

- Về tài sản trên đất:

+ Về nguồn gốc cây xà cừ: Giống cây là do Ủy ban nhân dân xã L cho bị đơn bà L đem về trồng và chăm sóc từ năm 1996. Nên khi khai thác nguyên đơn không được hưởng hoa lợi, chính nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2021 đã thừa nhận sự thật này.

+ Về nguồn gốc cao su: Nguyên đơn cho rằng giống cây cao su là do nguyên đơn mua nhưng không cung cấp được chứng cứ, nguyên đơn cho rằng có công chăm sóc nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2021 nguyên đơn không thể trả lời cho Hội đồng xét xử biết giống cây cao su đang trồng là giống gì. Về phía bị đơn thì có người bán cây giống cao su cho bị đơn đứng ra làm chứng, sổ sách ghi chép chi phí đầu tư trồng cao su năm 2010 là do bị đơn thanh toán. Do tài sản là cây cao su không phải của nguyên đơn nên tại biên bản đối chất ngày 13/8/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/3/2021 nguyên đơn cũng đã thừa nhận không được hưởng hoa lợi từ cây cao su.

+ Về căn nhà và giếng nước: Tại biên bản đối chất ngày 13/8/2020 và biên bản ghi nhận hiện trạng ngày 26/11/2020, nguyên đơn thừa nhận nhà và giếng khoan là tài sản của bị đơn bà Hồ Thị L.

+ Về hàng rào: Hàng rào gỗ là do bị đơn bỏ tiền ra làm năm 2010 hiện vẫn còn sổ sách ghi chép. Hàng rào kẽm gai trụ bê tông là do bị đơn bỏ tiền ra đầu tư. Tại bản cam kết ngày 27/1/2021 ông Điểu L2 xác nhận ông Đ và ông Điểu X là người dựng lại hàng rào. Nguyên đơn cho rằng mình bỏ tiền và công sức ra làm hàng rào nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

- Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 09 QSDĐ/137/QĐUB ngày 04/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện L là trái quy định pháp luật, cụ thể:

+ Việc cấp giấy chứng nhận không thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính

+ Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận ngày 04/4/2001, ông Dương Đình T không có hộ khẩu tại huyện L, ông T đã sử dụng sổ hộ khẩu giả để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Sổ hộ khẩu ông T sử dụng để làm hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất không được cấp đúng quy định, không có ngày, tháng, năm cấp, người ký là ông Trương Trọng Đ1 không có thẩm quyền ký, con dấu trong sổ hộ khẩu không đúng quy cách. Đồng thời, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận ngày 04/4/2001, ông Dương Đình T là người hưởng lương hưu nên theo quy định tại Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 thì ông T không thuộc đối tượng được giao đất.

Như vậy, giữa nguyên đơn ông T và bị đơn bà L không có quan hệ vợ chồng nên tài sản nhà đất tranh chấp không được xác định là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ đều chứng minh nguyên đơn không có bất kỳ đóng góp tài chính để mua đất, không có bất kỳ đóng góp tài chính hay đóng góp công sức để khai phá thêm đất, đầu tư tài sản trên đất. Thực tế nguyên đơn cho đến ngày hôm nay cũng không được hưởng bất cứ hoa lợi gì trên thửa đất tranh chấp nêu trên, do đó nguyên đơn không có bất kỳ quyền sở hữu nào đối với thửa đất và tài sản trên đất. Ông M đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị L và ông Dương Đình T

- Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 09 QSDĐ/137/QĐUB ngày 04/4/2001 do việc cấp giấy chứng nhận không đúng đối tượng.

- Do bà Trần Kim L1, ông Trần Quốc Đ, ông Dương Đình N, bà Dương Hồng T1 và các thừa kế của ông Hồ Trọng T7 là bà Lê Thị Thu T3 và chị Hồ Trung H không có ý kiến về vụ kiện, nên đề nghị Tòa án tuyên toàn bộ quyền sử dụng 8.792 m^2 và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bị đơn bà Hồ Thị L. Nếu các ông bà nêu trên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2023 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Trung H trình bày:

Bà H là con gái của ông Hồ Trọng T7. Bà H có nghe bà L nói là thửa đất tranh chấp do bà L nhận chuyển nhượng của người dân tộc từ năm 1980, nhưng bà H không biết là tài sản chung của bà L, ông T hay tài sản riêng của bà L. Bà H cũng nghe bà L nói ông T7 cùng trồng cây xà cừ trên thửa đất này với bà L, còn cụ thể ông T7 đóng góp những gì, mức độ đóng góp công sức vào thửa đất này như thế nào thì bà H không biết rõ vì lúc đó còn nhỏ. Thửa đất này là đất của bà L nhận chuyển nhượng nên mọi vấn đề liên quan đến việc tranh chấp do bà L toàn quyền quyết định. Bà H không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Trong các lời khai và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T3:

Hiện bà T3 đang chung sống cùng ông Lê Quang D, là cha ruột của bà T3. Theo lời khai ông D cung cấp và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì bà T3 bị bệnh tâm thần, đang nhận trợ cấp tại địa phương. Bà T3 không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu Toà xác định năng lực hành vi dân sự của bà T3 và cử người đại diện cho bà T3. Do đó Toà án không làm việc được với bà T3. Ông D là cha ruột của bà T3, đang trực tiếp chăm sóc bà T3 không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước trình bày:

Ngày 04/4/2001, Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDĐ/137/QĐ-UB cho hộ ông Dương Đình T, thửa đất số DĐT, diện tích 8.792 m^2 tọa lạc ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là đúng quy định Luật Đất đai. Nay các bên tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Trong các lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 trình bày:

Năm 1970, bà sống chung với ông T nhưng đến năm 1972 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Giữa bà và ông T chưa ly hôn. Nay, ông T yêu cầu ly hôn và chia tài sản với bà L; bà Hồ Thị L

yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản thì bà không có ý kiến gì.

Trong các lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông Điểu L2 trình bày:

Ông biết ông Điểu K và bà Thị S, vì ông K và bà S ở cùng ấp với ông, đồng thời trước đây ông là Trưởng ấp B (sau này là ấp B). Ông nghỉ làm trưởng ấp cách đây khoảng 01 năm. Nguồn gốc đất (trên đất là vườn cây cao su) tọa lạc ấp B, xã L mà Tòa án vào xem xét, thẩm định và định giá tài sản, trước đây gồm phần đất của ông Điểu L3 và phần đất của bà Thị Ư, ông Điểu L3 và bà Thị Ư bán lại cho ông Điểu K và bà Thị S, sau này thì ông nghe nói là bà Thị S và ông Điểu K bán lại cho vợ chồng ông T và bà L, đồng thời ông thấy ông T và bà L có làm vườn cây cao su trên đất. Tại thời điểm ông K và bà S chuyển nhượng thì ông không biết nên ông không biết ai (ông T, bà L hay cả ông T và bà L) đứng ai ra giao dịch, đồng thời việc thỏa thuận như thế nào thì ông cũng không biết, sau này ông nghe nói là bán cho vợ chồng ông T, bà L.

Trong các lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông Điểu K trình bày:

Ông biết bà L từ năm 1970 vì trước đây bà L ở gần nhà ông (ở Làng G - nay là ấp T) và đến khoảng năm 1993 hay năm 1994 thì ông mới biết ông T do thấy ông T vào canh tác trên mảnh đất tại ấp B (nay là ấp B) mà vợ chồng ông đã bán cho bà L vào năm 1980. Khi bán đất cho bà L thì không có ông T đi cùng, chỉ có mình bà L đứng ra mua bán với với vợ chồng ông. Diện tích đất vợ chồng ông bán cho bà L khoảng 05 sào với giá 03 chỉ vàng. Nguồn gốc đất đã bán cho bà L là do vợ chồng ông khai hoang.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình T và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị L:

* Không công nhận quan hệ vợ chồng (quan hệ hôn nhân) giữa ông Dương Đình T và bà Hồ Thị L.

* Về tài sản:

- Ông Dương Đình T được quyền sử dụng quyền sử dụng đối với thửa đất số 224 diện tích 4.456m^2 tọa lạc ấp B (nay là ấp B), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (đất có vị trí, hình thể và số liệu như mảnh trích đo địa chính số 138 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và sở hữu các tài sản trên thửa đất gồm: 283 cây cao su; 80,76m^2 hàng rào kẽm gai (dài 80,76m, cao 01m); 02 cây điều; 05 cây xà cừ; 06 cây xoài; 07 cây dừa.

Ông Dương Đình T được quyền sở hữu 31 cọc gỗ có trên thửa đất trên (thửa đất số 224) tính từ phía đường nhựa đi vào.

- Bà Hồ Thị L được quyền sử dụng quyền sử dụng thửa đất số 223 diện tích 4.456m^2 tọa lạc ấp B (nay là ấp B), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (đất có

vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 138 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và sở hữu các tài sản trên thửa đất gồm: 277 cây cao su; 82,6m^2 hàng rào kẽm gai (dài 82,6m, cao 01m); 05 cây điều; 14 cây xà cừ; 03 cây mai; 02 cây xoài; 10 cây dừa; 01 căn nhà loại 8 + 01 nhà tắm riêng biệt + 01 sân bê tông + 01 sân lát gạch tàu + 01 bồn nước có chân sắt + 01 mái hiên tiền chế khung thép; 01 giếng khoan.

Bà Hồ Thị L được quyền sở hữu 31 cọc gỗ có trên thửa đất trên (thửa đất số 224) tính từ phía đường bê tông đi vào. Bà Hồ Thị L có trách nhiệm di dời các cọc gỗ này ra khỏi thửa đất số 224.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị L về việc yêu cầu công nhận tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 8.792 m^2 tọa lạc ấp B (nay là ấp B), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng của bà L và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về nghĩa vụ hoàn trả: Bà Hồ Thị L phải hoàn trả cho ông Dương Đình T số tiền 1.048.967 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, bị đơn bà Hồ Thị L kháng cáo Bản án sơ thẩm về phần chia tài sản. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, cụ thể:

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 09/QSDĐ/137/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện L cấp 04/4/2001 do việc cấp giấy chứng nhận vi phạm pháp luật về trình tự, thủ tục, nội dung.

- Công nhận toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 8.792 m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc ấp B (nay là ấp B), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng của bà L.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Dương Đình T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị L là ông Lê Anh M đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó các bên thỏa thuận giao cho ông Dương Đình T phần diện tích đất 1.782,4 m^2 thuộc thửa đất số 229 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước cùng toàn bộ tài sản trên đất; giao cho bà Hồ Thị L 7.159,6 m^2 thuộc các thửa 225, 226, 227 và 228 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước cùng toàn bộ tài sản trên đất.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDĐ/137/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện L cấp 04/4/2001 cho hộ ông Dương Đình T.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn; sửa Bản án sơ thẩm về phần tài sản theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị L rút kháng cáo đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 472949, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09 QSDĐ/137/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Dương Đình T ngày 04/4/2001. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Đình T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L4, ông Trần Quốc Đ, Dương Đình N là ông Lê Anh M thống nhất thỏa thuận việc chia tài sản, cụ thể: Giao cho ông Dương Đình T diện tích 1.782,4 m^2 và giao cho bà Hồ Thị L 7.159,6 m^2 trong thửa đất 8.792 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 473949, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09 QSDĐ/137/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Dương Đình T ngày 04/4/2001, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí: Do nguyên đơn, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S 472949, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09 QSDĐ/137/QĐ-UB do Ủy ban nhân dan huyện L cấp cho hộ ông Dương Đình T ngày 04/4/2001.

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia tài sản.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước về phần chia tài sản, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Dương Đình T và bà Hồ Thị L là vợ chồng.

2. Về tài sản:

- Giao cho ông Dương Đình T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.782,4 m^2 trong diện tích 8.972 m^2 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước - đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 472949, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09 QSDĐ/137/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Dương Đình T ngày 04/4/2001, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất *(thửa 229 theo mảnh trích đo địa chính số 139 -2020 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước).*

- Giao cho bà Hồ Thị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 7.159,6 m^2 trong diện tích 8.972 m^2 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước - đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 472949, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09 QSDĐ/137/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Dương Đình T ngày 04/4/2001, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất *(gồm các thửa 225, 226, 227 và 228 theo mảnh trích đo địa chính số 139 -2020 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bình Phước).*

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước thu hồi, điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Đình T và bà Hồ Thị L theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho nguyên đơn ông Dương Đình T và bị đơn bà Hồ Thị L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Văn Nhum